TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HS-PT
Ngày: 02-7- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương
Các thẩm phán: Bà Dương Thị Liên
Bà Trần Thị Nhài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 năm 2018 và ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 33/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 2 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn V do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn V và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Lê Văn V, sinh ngày 01/02/1985

ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12. Con ông Lê Văn M, sinh năm 1928; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 10; Có vợ là Diệp Thị H1, sinh năm 1981, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (không bị tạm giữ, tạm giam) (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo có kháng cáo*:

Chị Lê Thị Y, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm LK, xã TT, huyện PL, tỉnh TN. (Có mặt)

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo có kháng cáo*: Ông Nguyễn Ngọc Thụy- Luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946 (có mặt).

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

- *Người đại diện theo pháp luật do bị hại ủy quyền*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1966. (Có mặt).

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại*: Ông Nguyễn Văn Độ- luật sư, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Bà Diệp Thị L, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

4. Ông Lê Văn M, sinh năm 1928. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

5. Ông Vi Văn S1, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

6. Ông Trương Minh Th, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm KM 2, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

7. Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm AR 2, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h30 phút ngày 23/03/2016, bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1940, trú quán: Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN) đang chặt và bó các cành cây củi gỗ keo để mang về nhà đun nấu thì có Lê Văn V (sinh năm 1985 trú cùng địa chỉ) đi làm về (V là con trai bà H). Thấy bà H đang chặt cành củi, V liền đi đến chỗ bà H và chửi bà H: "*Sao bà lại lấy củi, củi cái H1 dóc chứ bà dóc à*" và dùng tay định ôm đống củi mang về nhà thì bà H và V xảy ra cãi vã, bà H nhặt một cành củi d- ới chân để vụt V thì V cũng nhặt một cành củi để giơ lên đỡ. Nghe tiếng cãi nhau thì chị Phạm Thị T2 (sinh năm 1963 trú quán cùng địa chỉ) đang hái chè cạnh đó chạy đến can ngăn, đồng thời ông Lê Văn M (là bố đẻ V) cũng chạy đến để can ngăn. Khi chị T2 chạy đến nơi thì thấy bà H bị ngã đang nằm ngửa ở d- ới đất, còn V thì đang túm cổ áo đe dọa bà H, thấy thế ông M nói "*bà ấy làm gì mày mà mày đánh*" thì V quay sang cãi nhau với ông M. Lúc đó và H vùng dậy và lại cầm cành củi định đánh V thì V tiến đến chỗ bà H, thấy thế bà H liền bỏ chạy về nhà thì V chạy theo dùng chân đạp về phía bà H làm bà H ngã sấp xuống đất, bà H xoay ng- ời định đứng dậy thì V liền xông vào dùng tay đấm, dùng chân đá vào ng- ời bà H, dùng tay túm cổ áo rồi đập đầu bà H xuống đất dẫn đến chảy máu ở miệng. Thấy vậy, chị T2, ông M can ngăn, đ- a bà H về nhà rồi đi báo chính quyền địa ph- ơng và có đơn đề nghị khởi tố đối với V.

Sau khi bị V đánh gây th- ơng tích, bà H đi điều trị từ ngày 23/03/2016 đến ngày 01/04/2016 tại Bệnh viện đa khoa Đồng Hỷ.

Tại phiếu kết quả chụp X quang số 12021145 ngày 23/03/2016 của Bệnh viện đa khoa Đồng Hỷ đối với bà Nguyễn Thị H mô tả: Gẫy x- ơng s- ờn số 7; 8 bên phải trên đ- ờng lách d- ới; Rạn vỡ x- ơng hộp sọ.

Tại biên bản làm việc ngày 25/3/2016 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ và Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Hỷ xác định: Bà H bị các vết th- ơng nh- sau: Vùng má phải và phần cổ, cằm có vết bầm tím, không chảy máu. Chụp X quang vùng ngực phát hiện gẫy x- ơng s- ờn số 7; 8 bên phải trên đ- ờng lách d- ới.

Tại bệnh án số 1371 ngày 01/4/2016 của Bệnh viện đa khoa Đồng Hỷ chuẩn đoán: Bà Nguyễn Thị H bị đa chấn th- ơng do bị đánh.

Tại bản kết luận giám định pháp y về th- ơng tích số 88/TgT ngày 13/4/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn th- ơng cơ thể của bà Nguyễn Thị H do th- ơng tích gây nên hiện tại là 5%.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tài liệu thu thập xác định bị cáo Lê Văn V có biểu hiện bị bệnh tâm thần, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã tiến hành trưng cầu giám định tâm thần đối với bị cáo Lê Văn V.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 249/ BBGĐTC ngày 11/8/2016 của Viện pháp y tâm thần Trung ương xác định: "Trước, trong, sau khi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Lê Văn V bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn có biến đổi nhân cách. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số G40.6". Bị cáo đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, giải quyết vụ án, bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Lê Văn V phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Lê Văn V không thừa nhận đã gây thương tích cho bà Nguyễn Thị H.

Vụ án đã đ- ợc đ- a ra xét xử ngày 18/01/2017 đã tuyên phạt bị cáo Lê Văn V 06 tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ng- ời đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo kêu oan, ng- ời bào chữa cho bị cáo kháng cáo đề nghị hủy án, bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt, vụ án đ- ợc xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 21/7/2017, Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã hủy bản án sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ để điều tra lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01 ngày 11/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ , tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: 1. Áp dụng điểm d, đ khoản 1 Điều 104; điểm h, n khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn V 06 (sáu) tháng tù cho h- ởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lê Văn V cho gia đình và UBND xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong

trường hợp bị cáo V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của BLHS, các Điều 584, 585, 590 của BLDS năm 2015:

- Buộc bị cáo Lê Văn V phải có trách nhiệm bồi th- ờng cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền do sức khỏe bị xâm phạm là 9.047.343 đồng (Chín triệu không trăm bốn m- ơi bảy nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, buộc bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/01/2018, người đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Lê Thị Y kháng cáo cho rằng việc điều tra, truy tố xét xử vụ án có những vi phạm tố tụng , việc kết tội đối với Lê Văn V là hoàn toàn oan trái, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm và tuyên bố Lê Văn V không phạm tội và khôi phục quyền lợi cho Lê Văn V.

Ngày 23/01/2018 luật sư Nguyễn Ngọc Thụy kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do việc điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm kết tội đối với Lê Văn V có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định.

Ngày 22/01/2018 bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn V và không cho hưởng án treo, tăng mức bồi thường về tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai: Bị cáo không có hành vi đánh bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của bị cáo. Chị Y là người đại diện hợp pháp cho bị cáo xác định chị không được chứng kiến sự việc xảy ra xô sát giữa mẹ chị và em trai Lê Văn V nhưng chị nghe bà T2 và bà L kể lại là V không đánh bà H, bà T2 nói bà T2 không được khai nhìn thấy V đánh bà H.

Bà H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khẳng định người gây thương tích cho bà H chính là bị cáo Lê Văn V đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Nhưng nếu tại phiên tòa hôm nay V biết ăn năn hối lỗi thì bà H rút đơn kháng cáo còn không xin lỗi bà thì bà H đề nghị Tòa xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất vụ án cho rằng: Việc điều tra, truy tố, xét xử và áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo và bị hại là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Văn V 06 tháng tù cho hưởng án treo, 12 tháng thử thách về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d, đ khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người , đúng tội, đúng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Văn V không phạm tội Cố ý gây thương tích là không có căn cứ chấp nhận. Về trách nhiệm bồi thường dân sự án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 9.047.343đồng là phù hợp. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người hạn chế về khả

năng điều khiển hành vi. Do đó không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng bồi thường cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại. Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Lê Thị Y là người đại diện hợp pháp của bị cáo tranh luận: Chị không được chứng kiến sự việc xẩy ra xô sát giữa mẹ chị và em trai Lê Văn V nhưng chị nghe bà T2 và bà L kể lại là V không đánh bà H, bà T2 nói bà T2 không được khai nhìn thấy V đánh bà H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Luật sư bác bỏ hoàn toàn quan điểm của Kiểm sát viên tại tòa. Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra truy tố, cơ quan điều tra không tuân thủ đúng Bộ luật tố tụng hình sự như biên bản sự việc ngày 23/3/2016, biên bản thu giữ vật chứng đều không có đối tượng có liên quan khi tiến hành lập biên bản, địa điểm lập biên bản không phải tại hiện trường nơi xẩy ra sự việc, trong quá trình điều tra thì việc lấy lời khai không giải thích quyền và nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng, sau khi vụ án bị hủy, Tòa án xét xử sơ thẩm lần thứ hai Luật sư đề nghị cách ly người làm chứng nhưng chủ tọa không thực hiện mà tuyên bố không cách ly là vi phạm tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T2 khai bà không được đọc lại lời khai mà chỉ ký vào biên bản. Tại thời điểm lập biên bản làm việc ngày 23/3/2016 khi chưa có đơn yêu cầu của bà H. Trong các bút lục số 72,73,74 bà H khai V có dùng gậy đánh bà H bị ngất nhưng tại phiên tòa bà H lại khai sau khi bị V đánh thì ông M, bà T2 đến. Lời khai của bà H, lời khai của những người làm chứng đều có mâu thuẫn. Bệnh án của bà H sai lệch so với vết thương trên cơ thể của bà H. Kết luận giám định của bà H chưa đảm bảo tính khách quan. Sự việc xẩy ra giữa bà H và V là có thật nhưng bà H bị gẫy xương sườn là chưa có căn cứ, bà H bị gẫy xương do vật gì gây nên thì chưa làm rõ. Án sơ thẩm xét xử bị cáo V tội "Cố ý gây thương tích" là chưa có căn cứ pháp luật. Đề nghị của Viện kiểm sát chưa có cơ sở pháp luật. Ngoài ra, giả sử bị cáo có tội thì các tài liệu thể hiện bà H sinh năm 1946 không phải sinh năm 1940 nhưng án sơ thẩm áp dụng tình tiết định tội là "phạm tội với người già" theo điểm d khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng. Tư cách tham gia tố tụng của chị T không đúng quy định vì bị hại không có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Luật sư, người đại diện hợp pháp của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để điều tra xét xử lại.

Bị hại và người được bị hại ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa không tranh luận gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên tại tòa, mặc dù bị cáo không ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo là người bị hạn chế về khả năng điều khiển hành vi do vậy án sơ thẩm xử bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp. Về bồi thường dân sự, án sơ thẩm chưa tính đúng bởi vì mức lương cơ sở hiện nay là 1.300.000đồng nhưng án sơ thẩm lại tính là 1.210.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức bồi thường cho bị hại.

Kiểm sát viên tranh luận ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại: Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn V về tội "Cố ý gây thương tích" là đúng quy định, căn cứ các lời khai của bà H, bà T2, bà L, ông M đều xác định có nhìn thấy V đánh bà H. Các vi phạm tố tụng sau khi án bị hủy để điều tra xét xử lại thì cơ quan điều tra đã điều tra làm rõ thể hiện đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn V phạm tội "Cố ý gây thương tích" và không có căn cứ tăng mức bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người làm chứng bà Phạm Thị T2, bà Diệp Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Lê Văn M, ông Vi Văn S1, ông Trương Minh Th, ông Đoàn Văn T1. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và đã có lệnh áp giải người làm chứng đến tham gia tố tụng tại tòa nhưng những người này đều vắng mặt. Tại phiên tòa bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng. Riêng luật sư bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập những người làm chứng có mặt tại phiên tòa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận thấy: Những người làm chứng này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án do vậy việc vắng mặt của những người làm chứng đó không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

Về tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo đều xác định bị cáo không có hành vi phạm tội cố ý gây thương tích như bản án sơ thẩm đã tuyên. Cơ quan điều tra còn nhiều vi phạm tố tụng. Nhưng căn cứ các chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như lời khai của bị hại, người làm chứng là ông M (bố đẻ của bị cáo)), lời khai của bà T2, bà L, ông S đều phù hợp về thời gian, địa điểm gây án, kết luận giám định thương tích, diễn biến hành vi phạm tội mà án sơ thẩm đã mô tả và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H đều xác định khoảng 9 giờ 30 phút ngày 23/3/2016 bị cáo Lê Văn V là người xô đẩy với bà H không cho bà H ôm củi về, V dùng chân, tay đánh bà H vào người và đầu làm bà H bị ngã, hậu quả bà H bị gẫy xương sườn tỷ lệ tổn thương cơ thể 5%. Ngoài V ra không có ai gây thương tích cho bà H. Bà H còn khai khi bị V đánh ông M là bố đẻ của bị cáo có đến can ngăn thì lúc đó bà H đã bị ngã nằm dưới đất và được ông M (chồng bà H) đưa về nhà. Sau đó công an xã Khe Mo đến lập biên bản sự việc. Tại biên bản làm việc bà T2 đều khẳng định có nhìn thấy V cãi nhau với bà H và đánh bà H, bà T2 và ông M còn được can ngăn V không cho đánh bà H nữa. Như vậy, lời khai của bà H phù hợp với lời khai của ông Lê Văn M chồng của bà H và là bố đẻ của bị cáo, lời khai của ông Trương Minh Th, ông Đoàn Văn T1 ông Nguyễn Văn S là

công an xã và trưởng xóm và một phần lời khai của những người làm chứng là bà L, bà T2. Những lời khai đó cũng phù hợp với thương tích thực tế của bà H đã được thể hiện trên bệnh án và kết luận giám định của cơ quan chuyên môn đối với tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không khai, người đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Lê Thị Y (chị gái của bị cáo) cũng xác định chị không được chứng kiến sự việc xảy ra giữa mẹ chị và em trai V, chị chỉ nghe thấy V nói và bà L nói lại là V không đánh bà H, bà H có nằm điều trị tại bệnh viện huyện Đồng Hỷ do bị gẫy xương sườn. Chị Lê Thị T là con gái của bà H cũng xác định chị là người trực tiếp báo công an đến giải quyết, lập biên bản về việc V đã đánh bà H và trực tiếp đưa bà H đi bệnh viện điều trị, chăm sóc bà H trong thời gian nằm viện. Từ những phân tích nêu trên xét thấy, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 23/3/2016 tại Xóm KM 1, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN, bị cáo Lê Văn V đã thực hiện hành vi dùng chân, tay đấm đá vào người bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của bị cáo làm cho bà H ngã xuống đất. Hậu quả bà H bị gẫy đầu trước xương sườn số 7 và 8 bên phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%.

Với hành vi nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là đúng người đúng tội. Tuy nhiên,Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định tội đối với bị cáo là phạm tội đối với người già là chưa chính xác. Bởi lẽ, theo sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H thể hiện bà H sinh năm 1946, không có tài liệu nào thể hiện bà H sinh năm 1940 mà chỉ trên cơ sở lời khai của bà H. Điều đó cũng phù hợp với đơn kháng cáo, giấy ủy quyền của bà H là sinh năm 1946. Như vậy tại thời điểm bị cáo phạm tội gây thương tích cho bà H thì bà H chưa phải là người già. Án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội đối với người già và áp dụng điểm d khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo là không đúng. Để đảm bảo tính chính xác của bản án và xét xử bị cáo đúng quy định pháp luật, cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết định tội đối với bị cáo là phạm tội đối với người già theo điểm d khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét kháng cáo của bị hại theo các nội dung trong đơn kháng cáo thì thấy:

Đối với nội dung cho rằng Tòa án xét xử bị cáo mức án 06 tháng tù cho hưởng án treo là không phù hợp đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử bị cáo tù giam vì bị cáo không ăn năn hối lỗi, không nhận tội. Đối với nội dung kháng cáo này Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo khi phạm tội là người bị hạn chế điều khiển về hành vi. Xét nguyên nhân xảy ra vụ án là có sự mâu thuẫn từ trước giữa bị cáo và bị hại, bà H là người cầm cây củi vụt về phía V trước sau đó bị cáo mới tiếp tục giằng co, xô đẩy với bà H làm bà H bị ngã, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặt khác, trong vụ án này bị cáo có mối quan hệ là mẹ con do vậy án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn V 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng là phù hợp. Không có căn cứ chuyển giam đối với bị cáo.

Về kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường của bị hại xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các thiệt hại thực tế của bị hại khi điều trị và buộc bị

cáo bồi thường cho bị hại số tiền 9.047.343đồng là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị hại không cung cấp tài liệu nào mới thể hiện các chi phí thực tế liên quan đến điều trị thương tích nên không có căn cứ tăng bồi thường cho bị hại.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Văn V 06 tháng tù cho hưởng án treo 12 tháng thử thách về tội cố ý gây thương tích và bồi thường cho bị hại số tiền 9.047.343 đồng là có căn cứ, không trái với quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa, bác toàn bộ đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo về nội dung cho rằng bị cáo Lê Văn V không phạm tội cố ý gây thương tích. Kháng cáo của bị hại đề nghị xử tù giam bị cáo và tăng bồi thường không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo, bị hại kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYÊT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và bị hại. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội "Cố ý gây thương tích"

1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 104; Điểm h, n khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt: Bị cáo Lê Văn V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, các Điều 584,585,590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Văn V phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 9.047.343 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi bẩy nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng)

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí. Bị cáo Lê Văn V và bị hại Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành khoản tiền nêu trên thì trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- THA hình sự,
- Bị cáo (theo địa chỉ)
- UBND xã KM; ĐH;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương